

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2024/DSPT

Ngày: 19/8/2024

V/v tranh chấp “Chia thừa kế quyền
sử dụng đất, yêu cầu công nhận
quyền sử dụng đất; yêu cầu công
nhận di chúc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thanh Nhân**

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Quốc Nam** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu công nhận di chúc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DSST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2024/QĐPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1961. (có mặt)

Bà **Huỳnh Thị P (Khoan)**, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: bà **Tạ Kim T3**, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: Số 595/8, đường 3/2, khu phố 1, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Trần Phước H** (Trần Văn H), sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1945. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Ủy quyền Trần Phước H, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1950. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà Phạm Thị B1, sinh năm 1983.

Ủy quyền Trần Phước H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1949. (có đơn xin vắng mặt)

6. Bà Lê Thị Xê, sinh năm 1954. (có đơn xin vắng mặt)

7. Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1978. (có đơn xin vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953. (có đơn xin vắng mặt)

9. Bà Lý Thị T (người quản lý, sử dụng quyền sử đất thực tế hiện nay ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969) (có đơn xin vắng mặt)

10. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1978. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

11. Ông Đỗ Văn H (Hộ sử dụng đất liền kề, không xác định được địa chỉ)

Do có kháng cáo của: nguyên đơn Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P, bị đơn Trần Phước H.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo án sơ thẩm:*

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 07/01/2019 nguyên đơn Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P trình bày:

Sinh thời mẹ chúng tôi là cụ Đỗ Thị B, sinh năm 1925, chết năm 2013, cha chúng tôi là cụ Huỳnh Văn H, sinh năm 1919, chết năm 1996, có với nhau 06 người con gồm: Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị P, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị D và ông Huỳnh Văn H (liệt sĩ) chết không có vợ con. Khi chúng tôi lập gia đình thì cha mẹ chúng tôi đã phân chia cho chúng tôi mỗi người một phần đất để canh tác sinh sống và nuôi gia đình. Năm 1995 cha mẹ cho bà

Huỳnh Thị D một phần đất ruộng có diện tích khoảng 2000m² nằm trong tổng diện tích khoảng 14.161,7m² gồm các thửa 94, diện tích 95m², thửa 122 diện tích 4.906,4m², thửa số 95 diện tích 85,7m², thửa số 132 diện tích 9074,6m². Thời điểm phân chia đất thì ông H còn đứng tên quyền sử dụng đất, phần đất này tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khi cha mẹ cho bà D diện tích 2000m² thì vẫn chưa sang tên cho bà D. Đồng thời bà D có đem thế chấp 2000m² này cho bà Huỳnh Thị B hai bên có thỏa Thuận khi nào bà D trả đủ vàng thì bà Tư sẽ giao trả phần đất này lại cho bà D. Năm 1995 khi cụ H mất thì để lại phần đất 14.161,7m² cho ông cụ B đứng tên. Năm 2013 cụ B mất không để lại di chúc. Trần Phước H đã quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất nêu trên. Như vậy sau khi T2 2000m² cho bà Huỳnh Thị D được cho khi cụ H, cụ B còn sống thì phần đất còn lại là 12.161,7m². Nay bà Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P yêu cầu Trần Phước H phải giao trả cho bà D, bà P di sản thừa kế là phần đất 12.161,7m² do cụ Đỗ Thị B đứng tên quyền sử dụng đất;

- Ngày 08/8/2019 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu: Giữ nguyên phần đất mồ mã ông bà có diện tích khoảng 720m² nằm trong thửa 122, diện tích 4.906,4m²; Yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại là 11.441,7m² (12.161,7m² – 720m²) nằm trong các thửa 94, 95, 122, 132 tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định pháp luật yêu cầu chia làm 05 kỷ phần bằng nhau mỗi kỷ phần là diện tích 2.288,34m² giá trị khoảng 100.000.000đ. Bà Huỳnh Thị D yêu cầu được nhận 01 kỷ phần nằm gần phần đất bà D được cha mẹ tặng cho.

- Ngày 15/02/2022 Bà Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu: Buộc Trần Phước H phải giao trả cho nguyên đơn di sản thừa kế là diện tích đất 12.161,7m²; Yêu cầu chia di sản thừa kế làm 05 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế mỗi người được hưởng diện tích 2.432,34m². Bà D, bà P yêu cầu được nhận diện tích 4.906,4m² nằm trong thửa 122 (T2 đi diện tích 2000m² bà D được tặng cho), sau khi bà D nhận 2.232,34m², thửa 122 còn lại diện tích 474,06m² yêu cầu Tòa án để lại cho các đồng thừa kế làm lối đi chung vào các thửa đất 94, 95, 132. Bà P xin nhận phần đất diện tích 2.432,34m² nằm trong thửa 132 vị trí liền kề thửa đất 122 mà bà D xin nhận. Các nguyên đơn đồng ý hoàn trả giá trị cây trồng cho ông H.

* Bị đơn ông Trần Phước H trình bày: Đối với yêu cầu giao trả di sản thừa kế là 12.167,7m² đất do cụ Đỗ Thị B đứng tên quyền sử dụng đất ông H không đồng ý vì đây là đất hương quả. Nguồn gốc đất do ông bà có để lại cho ông bà ngoại là cụ B, cụ H. Đồng thời cụ B, cụ H có 06 người con gồm 05 người con gái và 01 người con trai đã hy sinh trong chiến tranh hiện do tôi thờ cúng. Tôi sinh sống với ông bà ngoại từ nhỏ, khi chết ông bà có căn dặn để phần đất này

lại làm đất hương quả nên tôi không đồng ý chia di sản thừa kế. Chỉ đồng ý giao trả 2000m² đất khi còn sống ông bà ngoại tôi đã cho bà D (hiện đã giao trả đất cho bà D và bà D đã hoàn trả giá trị cây trồng cho tôi xong). Đối với bà P, bà D yêu cầu tiếp tục được chia di sản thừa kế là phần đất còn lại thì tôi không đồng ý.

- Ngày 02/8/2022 ông Trần Phước H có đơn phản tố yêu cầu công nhận di chúc do bà Đỗ Thị B lập ngày 08/9/1998 đối với phần di sản mà ông H được nhận là diện tích theo di chúc là 7.500m² (đo đạc thực tế là 11.161,7m²) cùng toàn bộ nhà cửa, vật dụng trong nhà có giá trị khoảng 500.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B trình bày: Cha mẹ tôi chết để lại phần đất cho con tôi là Trần Phước H đã quản lý sử dụng từ khi mẹ tôi chết cho đến nay. Nay bà D, bà P yêu cầu chia thừa kế tôi không đồng ý vì khi còn sống cha mẹ tôi đã phân chia đất xong cho tất cả các con, đối với phần đất tôi được nhận theo di chúc tôi đã đứng tên. Nay tôi không có ý kiến hay yêu cầu chia thừa kế.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T1 thống nhất ý kiến với bà Huỳnh Thị B không đồng ý chia di sản thừa kế, để lại toàn bộ đất để làm đất hương quả thờ cúng ông bà.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DSST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang Căn cứ vào khoản 5, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 212, 213, 218, 618, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 634, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 05/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06/4/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T3, miễn, giảm, T3, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: 1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P có đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T3.

1.1/ Tuyên bố di chúc ngày 08/9/1998 của cụ Đỗ Thị B có hiệu lực đối với diện tích đất **3007,7m²** nằm trong thửa đất số 122, tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do cụ Đỗ Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị D.

Phần đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp rãnh cạnh dài (36,38 m + 29,66m)
- Tây giáp các thửa đất 92, 123, 93 của ông Nguyễn Văn T2.
- Đông giáp phần đất còn lại thuộc thửa 122.
- Nam giáp thửa đất 132 của cụ Đỗ Thị B.

1.2/ Chia cho bà Huỳnh Thị D phần diện tích đất 871,7m² nằm trong thửa đất 132, tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Phần đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp phần đất bà D được công nhận (diện tích 3007,7m²)
- Tây giáp thửa đất 123 của ông Nguyễn Văn T2.
- Đông giáp thửa 132 còn lại của cụ Đỗ Thị B.
- Nam giáp thửa 132 còn lại của cụ Đỗ Thị B.

Tổng cộng diện tích đất bà D được công nhận theo di chúc và được chia thừa kế là 3.879,4m² (vị trí số (2), (3), (23) tại bản đồ địa chính trích đo) có bao gồm đường đi từ diện tích đất được chia tiếp giáp với rạch và đường đi hiện hữu để bà D đi ra lối đi. Bà Huỳnh Thị D được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được kê khai đứng tên đối với phần đất nêu trên.

1.3/ Buộc bà Huỳnh Thị D pH hoàn trả số tiền giá trị cây trồng, tiền lấp đặt đường ống nước tưới tiêu cho ông Trần Phước H là **834.579.000đ**. Thực hiện việc trả tiền và giao đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành đối với phần tiền thì còn pH trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Phước H: Tuyên bố di chúc ngày 08/9/1998 của cụ Đỗ Thị B có hiệu lực đối với diện tích đất 7.500m² cùng căn nhà cấp 4 và các tài sản trong nhà Thuộc thửa 122, 132, tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho ông Trần Phước H.

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị T1 giao lại cho ông Trần Phước H đối với kỷ phần của các bà được nhận 03 kỷ phần là diện tích 1.392,9m², tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/ Chia cho ông Trần Phước H kỷ phần thừa kế là diện tích đất 928,6m² (là kỷ phần của ông H và kỷ phần của ông H), tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5/ Giao cho ông Trần Phước H quản lý sử dụng đối với diện tích đất nghĩa địa Thuộc thửa 94 là 95,0m² và phần nhà mồ diện tích 154,8m² nằm trong thửa 132, tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí số (8), (14) tại bản đồ địa chính).

6/ Đối với phần đất làm đường đi là 248,6 m² Thuộc thửa 122, thửa 95 và thửa 132 (vị trí số (5), (10), (7), (15) tại bản đồ địa chính trích đo) làm đường đi chung để đi vào khu đất của ông H và bà D.

Ông Trần Phước H được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 10.319,9m².

(Kèm bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 25/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C)

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 05/02/2024, nguyên đơn Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 12/2024/DSST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nội dung: Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm. Chia diện tích 3566,1m² làm 03 phần bằng nhau, chia cho bà D mỗi người một ki phần được diện tích 1.189,7m², bà D, bà P xin nhận vị trí Thuộc thửa số 122, không đồng ý nhận giá trị. Yêu cầu xem xét trả lại cây trồng cho anh Trần Phước H.

Ngày 05/02/2024 bị đơn anh Trần Phước H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 12/2024/DSST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nội dung: Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác yêu cầu chia đất của nguyên đơn, công nhận di chúc ngày 08/9/1998 do bà Đỗ Thị B lập có hiệu lực pháp luật.

Ngày 26/02/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-DS ngày 26/02/2024 đối với bản án sơ thẩm số 12/2024/DSST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang với nội dung yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng hủy án sơ thẩm. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thay đổi quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Phước H, không chấp kháng cáo của bà Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P. Sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P, Trần Văn H thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu công nhận di chúc*” theo qui định tại Điều Bộ luật dân sự 2015 là đúng qui định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn.

Nguyên đơn Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P kháng cáo cho rằng, ngoài 12 công ruộng đã chia cho các con, di sản của cụ B còn lại là 14.161,7m², được cấp quyền sử dụng đất cho cụ B theo các Giấy chứng nhận ngày 10/02/2009. Các thửa đất hiện do anh Trần Văn H quản lý, gồm:

Thửa 94, diện tích 95m²;

Thửa 122 diện tích 4.906,4m²;

Thửa số 95 diện tích 85,7m²;

Thửa số 132 diện tích 9074,6m².

Theo nội dung di chúc trên, anh H được chia 7.500m², bà D được cho 3.000m², mới nhận 2.000m² nên yêu cầu anh H giao tiếp 1.000m². Đồng thời, phần còn lại chưa được định đoạt theo di chúc là 3.661,7 m² yêu cầu chia theo làm 03 phần bằng nhau, chia cho bà D, bà P mỗi người 01 kỷ phần 1.189,7m². Phía bị đơn Trần Văn H xác định, ngoài phần đất chia thừa kế theo di chúc cho bà D là 3.000m², phần còn lại cụ B định đoạt cho anh theo di chúc nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu công nhận di chúc ngày 08/9/1998.

Hội đồng xét xử nhận thấy; Để xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn cần xem xét nội dung di chúc ngày 08/9/1998, cụ B đã định đoạt toàn bộ khối tài sản của bà hay chỉ định đoạt một phần như kháng cáo của bà D, bà P.

+ Xác định di sản của cụ Đỗ Thị B:

Cụ Đỗ Thị B và cụ Huỳnh Văn H là vợ chồng. Cụ B sinh năm 1924, mất năm 2013 (bút lục 255); cụ H, sinh năm 1919, mất năm 1996 (bút lục 256). Cụ H mất không để lại di chúc. Cụ B và cụ H có 06 người con gồm: Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị P (Khoan), Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị D và ông Huỳnh Văn H (liệt sĩ) chết không có vợ con.

Nhận thấy, quá trình biến động các thửa đất được cấp quyền sử dụng đất cho cụ B theo các Giấy chứng nhận ngày 10/02/2009, được thể hiện tại các bút lục từ 202 đến 225 như sau: Nguồn gốc các thửa đất nêu trên được cấp quyền sử

dụng đất cho cụ Huỳnh Văn H theo Giấy chứng nhận số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 01775 QSDĐ ngày 21/02/1997 với tổng diện tích 13.052m² (bút lục 220), gồm hai thửa: thửa đất số 290, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.212m², loại đất lúa; thửa đất số 358, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.840m², loại đất Q. Các thửa đất tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 1996, cụ H mất. Hai thửa đất trên được cấp đổi thành 04 thửa đất, có tổng diện tích 14.161,7m²:

Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 13, diện tích 95m², loại đất nghĩa địa, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00084 ngày 13/02/2006;

Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 13, diện tích 85,7m², loại đất cây lâu năm, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00086 ngày 13/02/2006;

Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 13, diện tích 4906,4m², loại đất lúa, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00085 ngày 13/02/2006;

Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 13, diện tích 9074,6m², loại ONT+CLN, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00087 ngày 13/02/2006;

Đến ngày 28/12/2008, các con của cụ Đỗ Thị B và Huỳnh Văn H gồm Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị B T1 cùng lập văn bản thỏa Thuận phân chia di sản thừa kế, thống nhất không nhận di sản của cụ H mà để lại cho mẹ là cụ Đỗ Thị B đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó, đến ngày 10/02/2009, cụ B được cấp lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00556, H00557, H00558, H00559 cho các thửa đất 122, 95, 94, 132 cùng tờ bản đồ số 13 với diện tích không thay đổi.

+ Xét tính hợp pháp của di chúc:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự cùng thống nhất: văn bản do ông Huỳnh Văn R viết ngày 09/8/1998 (bút lục 316) là di chúc của bà Hoa nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Nội dung di chúc này như sau: Bà Đỗ Thị B lập di chúc “*phân chia tài sản đất đai ruộng vườn với tổng số đất vườn và ruộng ở gần nhà là 10 công ruộng; Bà chia cho con thứ bảy Huỳnh Thị D hai công ruộng (2000m²), 01 công vườn (1000m²), đất vườn nằm ngay miếng líp mở ông bà giáp ranh với ông bảy L2 và cô B Luôn, đất ruộng giáp ranh với ông B T2.*

Còn phần đất mười hai công ruộng cầu Văn U thì tôi chia cho các con.

1) *Huỳnh Thị B năm công (năm ngàn mét ngàn vuông) đã bán cho Huỳnh Thị K.*

2) *Huỳnh Thị B công (B ngàn mét ngàn vuông) giáp ranh cầu Văn U.*

3) *Huỳnh Thị Khoan hai công (hai ngàn mét ngàn vuông) nằm ở giữa.*

4) *Huỳnh Thị T1 hai công (hai ngàn mét ngàn vuông) nằm ở trên.*

Còn lại bảy công ruộng đất vườn lẫn đất ruộng đồng thời nhà cửa tất cả tài sản trong nhà tôi để lại cho cháu ngoại tôi là Trần Văn H hưởng để cúng giỗ tất cả ông bà và cúng giỗ con tôi là năm H. Tất cả đều chia xong”.

Như vậy, mặc dù thời điểm lập di chúc 09/8/1998, khối tài sản trên là di sản của vợ chồng cụ Huỳnh Văn H và Đỗ Thị B. Tuy nhiên, những người Thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ đã thống nhất để lại di sản của cụ H cho cụ B nên việc cụ định đoạt toàn bộ khối tài sản trên là phù hợp với ý chí của các đồng thừa kế của cụ H.

Theo nội dung di chúc nêu trên, cụ B xác định tài sản của cụ gồm hai phần rõ ràng: tổng số đất vườn và ruộng ở gần nhà là 10 công rưỡi; ruộng gần cầu Văn U là 12 công. Và tất cả đã chia xong cho các con.

Tuy vậy, nguyên đơn cho rằng, căn cứ vào các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ B thì cụ chưa định đoạt hết phần di sản của mình, cụ thể còn 3.661,7m² để lại theo di chúc nêu trên chưa chia.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với phần di sản là 12 công đất ruộng, các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với phần đất còn lại, mặc dù cụ B xác định diện tích đất không đúng với diện tích được cấp Giấy chứng nhận nhưng căn cứ vào nội dung di chúc nêu trên thì cụ B đã định đoạt toàn bộ khối di sản còn lại Thuộc 04 thửa đất 94, 95, 122, 132. Bởi lẽ, qua quá trình biến động, tổng diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận sau này tăng so với Giấy chứng nhận lần đầu vào năm 1997. Diện tích thực tế theo sơ đồ ngày 25/01/2024 kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện C là 14.256,2m² (bút lục 306). Đồng thời, nội dung di chúc thể hiện rất rõ cụ đã định đoạt toàn bộ đất vườn và ruộng gần nhà qua câu chữ “*tổng số đất vườn và ruộng ở gần nhà là 10 công rưỡi*”. Phần đất diện tích 3.661,7m² Thuộc một phần thửa 132 nằm trong khu vực đất vườn và ruộng gần nhà như thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa.

Mặc dù, theo Tờ di chúc đề ngày 10/8/1998, cụ B không ghi diện tích đất cụ thể, chỉ ghi là tổng cộng 10 công rưởi nhưng có nêu rõ vị trí của khu đất chia cho bà D và phần còn lại bảy công rưởi đất vườn lẫn đất ruộng đồng thời nhà cửa tất cả tài sản trong nhà cụ để lại cho cháu ngoại là Trần Văn H hưởng để cúng giỗ tất cả ông bà và cúng giỗ cậu là năm H.

Như vậy, phần đất anh H được bà ngoại chia thừa kế cho là phần đất còn lại ngoài phần đất chia cho bà D trong khối tài sản là phần đất vườn và ruộng gần nhà. Anh H đã sử dụng phần đất được chia từ khi cụ B còn sống, trồng cây lâu năm trên đất nhưng cụ B và các con của cụ hoàn toàn không có ý kiến phản đối, phù hợp với ý chí của cụ là “tất cả đã chia xong”. Đồng thời, các đương sự cũng thừa nhận, ngoài phần đất vườn, ruộng gần nhà và 12 công ruộng gần cầu Văn U thì cụ B không còn phần đất nào khác.

Tình huống pháp lý của vụ án tương tự như tình huống pháp lý của án lệ số 72/2022/AL. Do đó cần áp dụng án lệ này khi giải quyết vụ án. Theo đó, mặc dù di chúc không xác định diện tích đất cụ thể nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như thực tế sử dụng đất, có đủ cơ sở xác định, cụ B đã định đoạt toàn bộ phần đất vườn và ruộng gần nhà có diện tích thực tế là 14.256,2m². Điều đó có nghĩa, ngoài phần đất chia cho bà D là 3.000m² thì phần còn lại là 11.256,2m² đã được bà định đoạt cho anh H vì giao cho anh trọng trách rất lớn là “*cúng giỗ tất cả ông bà và cúng giỗ con tôi là năm H*” là phù hợp với ý chí cụ B.

Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận một phần di chúc lập ngày 08/9/1998 của cụ Đỗ Thị B đối với diện tích 3.000m² chia cho bà Huỳnh Thị D nằm trong thửa 122. Bà D được quyền quản lý sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế là 3.007,7m² ký hiệu số (2), (3) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo nằm trong thửa 122 và bà D có nghĩa vụ hoàn giá trị cây trồng cho anh H số tiền 368.423.000 đồng là có căn cứ.

Đối với phần diện tích anh H được chia theo di chúc ngày 08/9/1998 là 7.500m² (đo đạc thực tế 11.248,5m²) và căn nhà cùng các tài sản trong nhà của cụ B để lại tại ấp 4 xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (gồm thửa 94 diện tích 95m²; thửa 122 diện tích 4.906,4m²; thửa 95 diện tích 85,7m²; thửa 132 diện tích 9.074,6m²)

Tại phiên tòa, anh H đồng ý để diện tích 248,6m² vị trí số (5), (7), (10), (15) theo bản đồ trích đo ngày 25/01/2024 làm đường đi chung cho các hộ bà D và anh H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với diện tích do những hộ giáp ranh phần đất tranh chấp gồm ông Nguyễn Văn T2, bà Lý Thị T, ông Đỗ Văn H đang quản lý sử dụng diện tích 68,9m² ở vị trí (1), (16), (17), (18) và (19) quá trình sử dụng thực tế phần đất các bên xác định có lẫn chiếm qua lại nhưng diện tích không lớn. Các bên không có tranh chấp hay có yêu cầu gì khác trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Ông H đồng ý T2 diện tích các hộ trên đang quản lý sử dụng trong tổng diện tích 11.248,5m². Như vậy, phần diện tích ông H được quản lý, sử dụng là: $11.248,5\text{m}^2 - 68,9\text{m}^2 = \mathbf{11.179,6\text{m}^2}$

Từ phân tích trên, xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 3.661,7m² Thuộc một phần thửa 132 là không có căn cứ vì phần đất 3.661,7m² không còn di sản của cụ Đỗ Thị B. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Như phân tích tại phần [2.1], do Hội đồng xét xử xác định không còn di sản của cụ B nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo qui định tại Điều 12 Nghị định 326/2016/UBTVQH14.

Anh Trần Phước H pH chịu án phí theo giá trị được chia là 72.000.000 đồng ($11.179,6\text{m}^2 \times 180.000\text{đ/m}^2$).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị số 05/QĐ-VKS-DS ngày 26/02/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn H, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P. Sửa bản án sơ thẩm số 12/2024/DSST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện C.

Áp dụng Điều 212, 213, 218, 618, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 634, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 72/2024 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày

20,21,23 tháng 02 năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T3, miễn, giảm, T3, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P có đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T3.

1.1/ Tuyên bố di chúc ngày 08/9/1998 của cụ Đỗ Thị B có hiệu lực đối với diện tích đất **3007,7m²** nằm trong thửa đất số 122, tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05556 ngày 10/02/2009 do Ủy Ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Đỗ Thị B đứng tên) cho bà Huỳnh Thị D.

Giao cho bà Huỳnh Thị D được quyền quản lý, sử dụng diện tích 300,7m², thửa 122, tờ bản đồ 13, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05556 ngày 10/02/2009 do Ủy Ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Đỗ Thị B đứng tên). Phần đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp rạch cạnh dài (34,38 m + 29,66m)
- Tây giáp các thửa đất 92, 123, 93 của ông Nguyễn Văn T2.
- Đông giáp phần đất còn lại Thuộc thửa 122.
- Nam giáp thửa đất 132 của cụ Đỗ Thị B.

(Có sơ đồ kèm theo bản đồ địa chính trích đo ngày 25/01/2024)

1.2/ Buộc bà Huỳnh Thị D pH hoàn trả số tiền giá trị cây trồng, tiền lấp đặt đường ống nước tưới tiêu cho ông Trần Phước H là **368.423.000 đồng**. Thực hiện việc trả tiền và giao đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành đối với phần tiền thì còn pH trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 3.661,7m² tại ấp 4, xã C, huyện C, Tiền Giang.

[3]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Phước H:

[3.1]. Tuyên bố di chúc ngày 08/9/1998 của cụ Đỗ Thị B có hiệu lực đối với diện tích đất 7.500m² (đặc đặc thực tế 11.179,6m²) cùng căn nhà cấp 4 và các tài sản trong nhà Thuộc thửa 94,95, 122, 132, tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho ông Trần Phước H.

[3.2]. Giao cho ông Trần Phước H toàn bộ quyền sử dụng đối với diện tích 11.179,6m² (gồm thửa 94, thửa số 95, thửa 122, thửa 132), tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang và các tài sản, công trình xây dựng gắn

liền quyền sử dụng đất cho ông Trần Phước H toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. (Có sơ đồ kèm bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 25/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng H ký đất đai huyện C).

[4]. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Phước H đối với phần đất làm đường đi là 248,6 m² Thuộc thửa 122, thửa 95 và thửa 132 (vị trí số (5), (10), (7), (15) tại bản đồ địa chính trích đo ngày 25/01/2024 làm đường đi chung để đi vào khu đất của ông H và bà D.

Bà Huỳnh Thị D, ông Trần Phước H được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền H ký đất đai theo qui định tại Điều 95 Luật đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật.

[5] Về án phí:

Về chi phí tố tụng: Buộc anh Trần Phước H pH hoàn trả cho bà Huỳnh Thị D chi phí tố tụng số tiền 26.000.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Anh Trần Phước H không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai T3 số 0002320 ngày 05/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Huỳnh Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại tạm ứng án phí số tiền 5.300.000 đồng theo biên lai T3 số 16985, 16984 ngày 09/8/2019 và biên lai T3 số 16410 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Anh Trần Phước H pH chịu 72.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC.THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy

